



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 19

Ngày 15 tháng 4 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-3-2016- Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND về chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 25-02-2016- Quyết định số 753/QĐ-UBND ban hành Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh. 7

04-3-2016- Quyết định số 944/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016.

48

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2016*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình,  
tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện

chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tại Tờ trình số 24386/TTrLS-SLĐTBXH-STC ngày 13 tháng 11 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6293/STP-VB ngày 23 tháng 11 năm 2015; ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 537/SLĐTBXH-KH ngày 07 tháng 01 năm 2016 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1323/STC-HCSN ngày 01 tháng 3 năm 2016,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng và cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

### **1. Đối tượng áp dụng chế độ hỗ trợ:**

a) Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Người nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được chuyển đến cắt cơn, giải độc tại các cơ sở xã hội công lập của Thành phố (gồm: Cơ sở xã hội Bình Triệu, Cơ sở xã hội Nhị Xuân, Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2, Trung tâm Tư vấn và Cai nghiện ma túy và Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phước Bình).

### **2. Các khoản hỗ trợ:**

a) Đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng có nguyện vọng được chuyển đến cắt cơn, giải độc tại các cơ sở xã hội công lập của Thành phố thì được hỗ trợ một lần với mức 1.260.000 (Một triệu hai trăm sáu mươi ngàn) đồng/người/15 ngày, gồm có các khoản chi phí như sau:

- Tiền ăn trong thời gian tập trung cắt cơn: 40.000 (Bốn mươi ngàn) đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày;

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng/người;

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết (02 (hai) bộ quần áo, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, vệ sinh phụ nữ,...): 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng/người;

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 40.000 (Bốn mươi ngàn) đồng/người;

- In ấn hồ sơ bệnh án, sách báo, văn phòng phẩm,...: 20.000 (Hai mươi ngàn) đồng/người (thanh quyết toán theo chi phí thực tế phát sinh);

- Chi phí chuyển viện (nếu có): thanh quyết toán theo chi phí thực tế phát sinh.

### **3. Kinh phí thực hiện:**

a) Đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng, Ủy ban nhân dân quận, huyện cân đối trong dự toán chi ngân sách quận, huyện để thực hiện hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy.

b) Đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng được chuyển đến cắt cơn, giải độc tại các cơ sở xã hội công lập của Thành phố, chi phí hỗ trợ nêu trên được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước (kinh phí không thường xuyên) cho các cơ sở xã hội công lập tiếp nhận người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng và cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng đến điều trị cắt cơn, giải độc.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện chế độ hỗ trợ nêu trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chỉ huy trưởng Lực

lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 753/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 912/TTr-SCT ngày 26 tháng 01 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu (sau đây gọi tắt là bình chọn) do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) tổ chức xét và bình chọn định kỳ 2 năm một lần cho các doanh nghiệp có sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ có giá trị gia tăng cao, góp phần vào sự phát triển công nghiệp Thành phố.

**Điều 3.** Giao Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố (đơn vị trực thuộc Sở Công Thương) là cơ quan thường trực của việc bình chọn, có nhiệm vụ phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu cho Ban chỉ đạo trong việc tổ chức xét chọn, quyết định công nhận và tổ chức trao giải.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền Thông, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện, Chủ tịch các hội, hiệp hội Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy chế này quy định việc bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm kiếm những sản phẩm - nhóm sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của Thành phố (sau đây gọi chung là sản phẩm) có khả năng đóng góp vào sự phát triển công nghiệp cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố.

### **Điều 2. Đối tượng và điều kiện tham gia**

#### **1. Đối tượng tham gia**

Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố có hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ theo quy định pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

#### **2. Điều kiện tham gia**

Sản phẩm tham gia là sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ thuộc các ngành công nghiệp: Cơ khí, Cao su - Nhựa, Lương thực - Thực phẩm, Điện tử, Dệt May, Da Giày.

Sản phẩm đã được công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm hoàn chỉnh) và không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm về gian lận thương mại.

### **Điều 3. Nguyên tắc bình chọn**

1. Việc bình chọn được thực hiện công khai, minh bạch thông qua Hội đồng bình chọn.

2. Doanh nghiệp gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm về các thông tin liên quan đến các sản phẩm của mình.

#### **Điều 4. Thời gian tổ chức bình chọn**

Định kỳ hai (02) năm tổ chức một kỳ bình chọn. Trong trường hợp cần kỷ niệm những sự kiện đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng bình chọn xin ý kiến Trưởng ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố về thời gian tổ chức bình chọn.

### **Chương II**

## **TIÊU CHÍ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BÌNH CHỌN VÀ HÌNH THỨC CÔNG NHẬN**

#### **Điều 5. Tiêu chí bình chọn**

##### **1. Tiêu chí chung:**

- Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất hàng năm của sản phẩm tham gia bình chọn.
- Sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt.
- Có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.
- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.
- Sản phẩm tham gia thuộc danh mục kích cầu của Thành phố.

##### **2. Tiêu chí cụ thể cho từng nhóm ngành:**

###### **Đối với ngành công nghiệp cơ khí:**

- Sản phẩm là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.
- Sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

###### **Đối với ngành công nghiệp Cao su - Nhựa:**

- Là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho các ngành công nghiệp khác

(như cơ khí, lương thực - thực phẩm,...) đòi hỏi công nghệ kỹ thuật và độ chính xác cao.

### **Đối với ngành công nghiệp Lương thực - Thực phẩm**

- Có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP/ISO 22000).
- Sản phẩm sử dụng nguồn nguyên phụ liệu được sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ cao.

### **Đối với ngành công nghiệp Điện tử**

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (DIN, JIS, ASTM,..).
- Sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.
- Sản phẩm có tính an toàn và ổn định, tiết kiệm năng lượng.

### **2.1 Đối với ngành công nghiệp Dệt May - Da Giày**

- Sản phẩm gia công với tiêu chuẩn kỹ thuật cao cho các thương hiệu nổi tiếng.
- Sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh, có mức độ nhận biết của người tiêu dùng tăng nhanh.
- Sản phẩm sử dụng nguồn nguyên phụ liệu được sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ cao.
- Sản phẩm là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu.

### **Điều 6. Điều kiện sản phẩm được bình chọn**

- Hội đồng bình chọn sẽ bình chọn các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ đạt tổng số điểm từ 70% trở lên.

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký**

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu được lập thành 03 bộ và gửi bằng đường Bưu điện hoặc gửi trực tiếp về Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố theo địa chỉ: Lầu 10 số 163 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Phiếu đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn theo mẫu.
2. Ảnh màu (kích cỡ 20cm x 30cm) chụp sản phẩm (hoặc sản phẩm đại diện cho nhóm sản phẩm) từ mặt trước, cạnh và mặt sau.

### 3. Các tài liệu:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao báo cáo tài chính của 3 năm liền kề trước năm đăng ký;
- Bản sao một trong các tài liệu sau: giấy chứng nhận hợp chuẩn, bản công bố hợp chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy, bản công bố hợp quy, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng kèm kết quả thử nghiệm.

- Các tài liệu có liên quan chứng minh cho các nội dung được kê khai trong phiếu đăng ký (chứng chỉ, chứng nhận về môi trường, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, giấy khen, bằng khen cho sản phẩm,...).

## **Điều 8. Quy trình bình chọn**

### **1. Giai đoạn sơ tuyển:**

- Doanh nghiệp gửi bản đăng ký theo mẫu và hồ sơ dự tuyển theo quy định về cơ quan thường trực.

- Cơ quan thường trực tiếp nhận, lựa chọn các hồ sơ đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tham gia. Những hồ sơ chưa đầy đủ hay chưa phù hợp sẽ được yêu cầu bổ sung, điều chỉnh hoặc bị loại ngay từ vòng sơ tuyển.

### **2. Giai đoạn đánh giá:**

- Cơ quan thường trực tổng hợp và công bố kết quả sơ tuyển, đồng thời, lấy ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề liên quan và lấy ý kiến độc giả,... báo cáo Hội đồng bình chọn.

- Tổ chức thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn hoặc yêu cầu giải trình, làm rõ thông tin sản phẩm tham gia (nếu có) theo đề nghị của Hội đồng bình chọn.

### **3. Giai đoạn xét chọn:**

- Thành viên Hội đồng tiến hành chấm điểm các sản phẩm đăng ký tham gia theo tiêu chí và thang điểm quy định.

- Cơ quan thường trực tổng hợp kết quả chấm điểm, tổ chức họp Hội đồng bình chọn và báo cáo Chủ tịch Hội đồng kết quả và các vấn đề khác cần xin ý kiến.

- Thống nhất, thông qua và thông báo công khai danh sách sản phẩm được Hội đồng bình chọn trên website của Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ để ghi nhận các ý kiến phản ánh trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo.

#### **4. Giai đoạn công nhận:**

- Cơ quan thường trực báo cáo kết quả bình chọn của Hội đồng và tham mưu Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu.

- Ban chỉ đạo trao giấy chứng nhận cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của Thành phố.

#### **Điều 9. Hình thức công nhận**

- Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố sẽ công nhận sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu bằng Quyết định đính kèm danh sách các sản phẩm được công nhận.

- Giấy chứng nhận có giá trị từ khi được ký công nhận đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ ba tính từ năm được công nhận.

### **Chương III**

#### **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 10. Quyền lợi của doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận**

- Được giới thiệu trong các danh mục xúc tiến thương mại của thành phố.

- Được tham gia vào chương trình xúc tiến thương mại của Thành phố trong và ngoài nước, cụ thể: được hỗ trợ chi phí thuê gian hàng khi đưa các sản phẩm được bình chọn tham gia vào các hội chợ, triển lãm.

- Được hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo trên Thời báo kinh tế Sài Gòn và trên trang thông tin điện tử của thành phố trong thời gian sản phẩm được công nhận.

- Được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tp.HCM và Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa hỗ trợ các dự án phát triển sản phẩm đã được bình chọn.

- Được ưu tiên trong hỗ trợ kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để vay vốn sản xuất kinh doanh theo các chương trình của Thành phố hoặc của Trung ương triển khai trên địa bàn Thành phố.

- Sản phẩm được ưu tiên xem xét mua sắm trong hoạt động mua sắm công của các cơ quan, ban ngành Thành phố.

- Được ưu tiên tham gia trong các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố như kích cầu đầu tư; đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản

xuất; chương trình đào tạo nhân lực quản trị và công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm được công nhận.

- Được ưu tiên tham gia vào các sự kiện kết nối cung - cầu với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Được sử dụng logo sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận**

- Báo cáo tình hình phát triển của sản phẩm về thị trường, doanh thu, dự báo những thuận lợi và khó khăn cho Ban chỉ đạo thông qua Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành phố theo định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm kể từ năm được công nhận.

- Phát triển sản phẩm và duy trì chất lượng đã đạt được kể từ khi được công nhận là sản phẩm công nghiệp tiêu biểu.

- Phối hợp với Hội đồng bình chọn giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn sản phẩm của doanh nghiệp (nếu có).

## **Chương IV KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 12. Thời hạn khiếu nại**

- Thời hạn khiếu nại với sản phẩm tham gia bình chọn là 15 ngày kể từ ngày Hội đồng bình chọn thông báo kết quả bình chọn sản phẩm tiêu biểu.

- Hội đồng bình chọn có trách nhiệm tham mưu Ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn.

### **Điều 13. Xử lý vi phạm**

- Trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực, doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu được công nhận nếu bị phát hiện có vi phạm gian lận trong quá trình tham gia bình chọn và các vi phạm quy định pháp luật khác làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố, tùy theo mức độ vi phạm mà xem xét, xử lý (thu hồi, hủy bỏ kết quả đã trao tặng,...)

- Việc thu hồi, hủy bỏ kết quả đối với sản phẩm đã được công nhận phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## **Chương V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC BÌNH CHỌN**

**Điều 14. Cơ cấu tổ chức bình chọn gồm Hội đồng bình chọn và Tổ giúp việc**

#### **1. Hội đồng bình chọn:**

Do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố thành lập với số lượng từ 11-13 thành viên, cơ cấu Hội đồng bình chọn gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Công Thương

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ

- Thành viên: là các chuyên gia từ Viện, Trường, Hiệp hội - hội ngành nghề và những cá nhân có kiến thức và am hiểu về lĩnh vực ngành nghề của sản phẩm tham gia bình chọn

#### **Nhiệm vụ Hội đồng bình chọn:**

- Nghiên cứu, tham khảo ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề và ý kiến của độc giả để chấm điểm các sản phẩm tham gia theo tiêu chí và thang điểm đã công bố.

- Thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn (nếu có).

- Hợp bình chọn và lựa chọn các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của Thành phố.

- Tiếp nhận và tham mưu Ban chỉ đạo hướng xử lý đối với các phản ánh, khiếu nại liên quan đến sản phẩm được bình chọn.

#### **2. Tổ giúp việc:**

Do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ thành lập với cơ cấu như sau:

- Tổ trưởng: Lãnh đạo Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ

- Tổ phó: Lãnh đạo Thời báo Kinh tế Sài Gòn

- Tổ viên: đại diện các sở, ngành liên quan gồm Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Thông tin Truyền thông, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban quản lý khu công nghệ cao, Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố.

**Nhiệm vụ Tổ giúp việc:**

- Thực hiện các nhiệm vụ do Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp hỗ trợ phân công.
- Lựa chọn sản phẩm của các doanh nghiệp đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tham gia.
- Tổng hợp danh sách sản phẩm tham gia để gửi lấy ý kiến nhận xét của các hội ngành nghề liên quan và lấy ý kiến độc giả thông qua website, ấn phẩm của Thời báo Kinh tế Sài Gòn,...
- Tổ chức thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn hoặc yêu cầu giải trình, làm rõ thông tin sản phẩm tham gia (nếu có) theo đề nghị của Hội đồng bình chọn.
- Tổ chức họp Hội đồng bình chọn và tổng hợp kết quả trình Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận sản phẩm tiêu biểu.

## **Chương VI PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

**Điều 15. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan****1. Trung tâm Phát triển Công nghiệp hỗ trợ:**

Là cơ quan thường trực, giúp Ban chỉ đạo tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố.

- Tham mưu Ban chỉ đạo thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc bình chọn sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu thành phố.

- Xây dựng và tham mưu Ban chỉ đạo phê duyệt kinh phí, mẫu giấy chứng nhận, logo bình chọn.

- Triển khai công tác bình chọn: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia; tổng hợp danh sách để gửi lấy ý kiến; tổ chức để Hội đồng bình chọn thẩm tra thực tế tại địa điểm của doanh nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn (nếu có); tổ chức họp Hội đồng bình chọn.

- Thực hiện giám sát, báo cáo kết quả bình chọn và tham mưu Ban chỉ đạo ra Quyết định công nhận và trao giải cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp tiêu biểu của Thành phố được bình chọn.



- Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ về xúc tiến thương mại và hỗ trợ về lãi suất thông qua chương trình kích cầu của Thành phố.

- Phối hợp với Thời báo kinh tế Sài Gòn xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí quảng cáo trên Thời báo kinh tế Sài Gòn và trên trang thông tin điện tử của thành phố trong thời gian sản phẩm được công nhận.

- Hỗ trợ doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận tham gia vào các sự kiện kết nối cung - cầu với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

## **2. Sở Tài chính:**

Thực hiện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp kinh phí thực hiện kế hoạch bình chọn và kinh phí hỗ trợ đối với các sản phẩm được công nhận.

## **3. Sở Nội vụ:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công nhận cho các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ được bình chọn là sản phẩm tiêu biểu cấp Thành phố.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ đổi mới máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:**

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực quản trị và công nhân trực tiếp sản xuất, nâng cao trình độ và tay nghề của người lao động nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

## **6. Sở Thông tin và Truyền Thông:**

Tổ chức thông tin, tuyên truyền, quảng bá các hoạt động, sự kiện, sản phẩm doanh nghiệp tham gia chương trình.

## **7. Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố:**

Nghiên cứu và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ duy trì và phát triển các sản phẩm được công nhận.

**8. Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, các hội:**

Thực hiện thông tin, tuyên truyền và vận động các doanh nghiệp đăng ký tham gia bình chọn.

Khảo sát, đề xuất các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý tham gia bình chọn và là đầu mối liên hệ giữa doanh nghiệp với Tổ giúp việc.

**9. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư:**

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia giới thiệu sản phẩm tiêu biểu được bình chọn trong các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

**10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:**

Hỗ trợ kết nối giữa ngân hàng - doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận để vay vốn đầu tư phát triển sản phẩm đã được công nhận.

**11. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Tp.HCM**

Hỗ trợ dự án phát triển sản phẩm đã được công nhận của các doanh nghiệp.

## **Chương VII**

### **KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí tổ chức bình chọn và kinh phí hỗ trợ các sản phẩm tiêu biểu được công nhận sẽ do ngân sách Thành phố cấp (nguồn kinh phí không giao tự chủ, nguồn kinh phí xúc tiến thương mại,...) và từ nguồn xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, hiệp hội, hội ngành nghề và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Trung tâm Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ Thành

---

phó để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

Mã số: \_\_\_\_\_



**PHIẾU ĐĂNG KÝ  
THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM  
CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ  
TIÊU BIỂU TP.HỒ CHÍ MINH**

*((Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 08 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố))*

Tên sản phẩm – nhóm sản phẩm: .....

Thuộc nhóm ngành:

Cơ khí Cao su – Nhựa Điện tử Lương thực – Thực phẩm Dệt may Da giày 

Tên doanh nghiệp: .....

**A. Phần thông tin về doanh nghiệp :**

- Tên gọi Việt Nam : .....
- Tên gọi quốc tế (nếu có) : .....
- Địa chỉ : .....
- Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....
- Điện thoại: ..... Fax : .....
- Website: ..... Email: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do ..... cấp ngày .....
- Ngành nghề hoạt động: .....
- Các sản phẩm sản xuất chính: .....
- Năm thành lập : .....
- Vốn doanh nghiệp : .....
- Tổng vốn đến 31/12/2014: ..... đồng, trong đó:
  - + Vốn điều lệ (vốn chủ sở hữu):..... đồng
  - + Vốn vay :..... đồng

**B. Phần thông tin dành cho sản phẩm:**

- Tên sản phẩm: .....
- Mô tả hình thức và công dụng sản phẩm:  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....
- Mô tả về quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất sản phẩm:  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Mã số: \_\_\_\_\_

## 1. Khối lượng/sản lượng, doanh thu của sản phẩm:

	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa+XK
Khối lượng/Sản lượng sản xuất (đơn vị tính)									
Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất so với năm trước liền kề (%)									
Doanh thu (VND, USD)									

## 2. Giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất:

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu <sup>(1)</sup>			

## 3. Thiết kế sản phẩm có từ: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp
- b. Mua thiết kế
- c. Tự nghiên cứu thiết kế

Nếu câu 3 chọn “**mua thiết kế/sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp**” thì bỏ qua câu 4. Nếu chọn “**tự nghiên cứu thiết kế**” thì vui lòng thực hiện câu 4

<sup>(1)</sup> được tính bằng cách lấy chi phí nguyên vật liệu, linh kiện để sản xuất ra sản phẩm đó (không bao gồm chi phí nhân công, mặt bằng, ...) chia cho doanh thu.

4. Thời gian đổi mới thiết kế sản phẩm là bao lâu? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Dưới 3 tháng
- b. Khoảng 3 tháng 1 lần
- c. Khoảng 6 tháng 1 lần
- d. Khoảng 12 tháng 1 lần
- e. Theo chu kỳ sản phẩm dự kiến
- f. Theo thị trường

5. Điều gì làm cho sản phẩm của doanh nghiệp có sự khác biệt so với các loại khác trên thị trường: (có thể chọn nhiều câu)

- a. Chất lượng sản phẩm

Đề nghị giải thích cụ thể .....

.....

.....

.....

- b. Giá

Đề nghị giải thích cụ thể .....

.....

.....

.....

- c. Dịch vụ phân phối – hậu mãi

Đề nghị giải thích cụ thể .....

.....

.....

.....

- d. Tính đặc thù hay tính độc đáo khác biệt của sản phẩm đăng ký

Đề nghị giải thích cụ thể .....

.....

.....

.....

6. Doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận quản lý chất lượng (hoặc chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế khác) về sản phẩm đăng ký hiện nay: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Chưa triển khai

b. Đang thực hiện, chờ chứng nhận

(ghi rõ giai đoạn đang thực hiện, tên hệ thống quản lý, cơ quan sẽ chứng nhận: .....

c. Đã có

(ghi rõ tên hệ thống quản lý, cơ quan chứng nhận, thời hạn của giấy chứng nhận: .....

7. Máy móc thiết bị/dây chuyền (MMTB) đang sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký:

Liệt kê 1 loại MMTB chính để sản xuất sản phẩm đăng ký	Mô tả công dụng của MMTB	Năm SX MMTB	Quốc gia sản xuất	Năm đầu tiên MMTB bắt đầu sử dụng
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....

8. Mức độ sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất sản phẩm đăng ký <sup>(2)</sup>

Chi phí lao động/tổng chi phí (tính trong năm 2014): \_\_\_\_\_%

9. Doanh nghiệp thực hiện chế độ kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm trong giai đoạn nào? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Chỉ ở công đoạn cuối cùng của sản phẩm

b. Bắt đầu từ công đoạn sản xuất đến giai đoạn hoàn thiện sản phẩm

c. Bắt đầu từ khâu chọn nguyên, vật liệu, linh kiện đến công đoạn hoàn thiện sản phẩm

<sup>(2)</sup> được tính thông qua chi phí lao động bằng cách lấy chi phí lao động chia cho tổng chi phí để tạo ra sản phẩm đó



**10. Quy trình sản xuất có tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường không?**

(Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

- a. Không
- b. Có  (đính kèm tài liệu chứng minh)

**11. So với chất lượng các sản phẩm cùng loại hiện tại trên thị trường là (hãy nêu tên sản phẩm được so sánh): \_\_\_\_\_, thì chất lượng sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào? (chọn 1 câu trả lời cho mỗi cột)**

	Sản phẩm cùng loại được sản xuất ở trong nước	Sản phẩm cùng loại được sản xuất ở ngoài nước
a. Chất lượng thấp hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Chất lượng tương đương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Chất lượng cao hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**12. So với giá các sản phẩm cùng loại nhập khẩu hiện tại trên thị trường là (hãy nêu tên sản phẩm được so sánh): \_\_\_\_\_, thì giá sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau đây)**

- a. Giá cao hơn
- b. Giá tương đương
- c. Giá thấp hơn

(ghi cụ thể thấp hơn khoảng bao nhiêu % so với giá sản phẩm cùng loại nhập khẩu .....%)

**13. Sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp có xuất khẩu ra nước ngoài không? (chọn 1 trong các câu trả lời sau)**

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Không” thì bỏ qua câu 14. Nếu chọn “Có” thì vui lòng thực hiện câu 14.

**14. Sản phẩm đã xuất khẩu sang những thị trường nào sau đây? (có thể chọn nhiều câu trả lời)**

- Bắc Mỹ  ; Chiếm : .....% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

- Châu Âu  ; Chiếm : .....% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

- Châu đại dương  ; Chiếm : .....% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

- Châu Á  ; Chiếm : .....% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

- Thị trường khác  ; Chiếm : .....% trên tổng doanh thu

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

Tên quốc gia: .....Tiêu chuẩn đạt được .....

**15. Năng lực sản xuất sản phẩm đăng ký năm 2014:**

	Năm 2014
Năng lực sản xuất sản phẩm theo thiết kế (tính theo sản phẩm) <sup>(*)</sup>	
Năng lực sản xuất thực tế của sản phẩm	

(\*) là khả năng sản xuất cao nhất của máy móc hoặc dây chuyền sản xuất hiện có trong điều kiện sử dụng đầy đủ và hợp lý các tư liệu sản xuất, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến, ...

(tính theo sản phẩm <sup>(4)</sup> )	
Tỷ lệ năng lực sản xuất thực tế so với năng lực thiết kế <sup>(5)</sup> (tính theo %)	

**16. Những kênh tiếp thị mà doanh nghiệp sử dụng (có thể chọn nhiều câu trả lời):**

- a. Website doanh nghiệp
- b. Website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến
- c. Hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại
- d. Khách hàng cũ giới thiệu
- e. Các phương tiện truyền thông như báo, đài, truyền hình, truyền thanh
- f. Khác (đề nghị ghi rõ): .....

**17. Doanh nghiệp đã đạt được những danh hiệu, giải thưởng uy tín nào về sản phẩm đăng ký hiện nay:**

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì nêu rõ tên các những danh hiệu, giải thưởng uy tín đã đạt được và đính kèm tài liệu chứng minh

- a. ....
- b. ....
- c. ....

**18. Sản phẩm đăng ký có thuộc danh mục kích cầu của Thành phố <sup>(6)</sup>?**

- a. Không
- b. Có

<sup>(4)</sup> là khối lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ trên cơ sở điều kiện thực tế hiện có về máy móc, thiết bị, nguồn nhân lực, tài chính,...

<sup>(5)</sup> được tính bằng cách lấy năng lực SX thực tế chia cho năng lực thiết kế

<sup>(6)</sup> Danh mục kích cầu theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của Ủy ban nhân dân TP (Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó)

**TỪ CÂU 19 TRỞ ĐI, TÙY THUỘC VÀO LĨNH VỰC SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ  
ĐỂ DOANH NGHIỆP LỰA CHỌN CÁC CÂU PHÙ HỢP**

**A. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cơ khí thì thực hiện các câu: 19 và 20.**

**19. Sản phẩm đăng ký có phải là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?**

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì đề nghị mô tả cụ thể sản phẩm phục vụ cho hoạt động công nghiệp, nông nghiệp như thế nào? (công dụng/vai trò, ngành nghề/lĩnh vực cụ thể sản phẩm tham gia phục vụ, mô tả cụ thể sản phẩm được lắp đặt trong các dây chuyền tự động nào? với mục đích gì?,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**20. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?**

- a. Không
- b. Có

Nếu chọn “Có” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất máy móc, thiết bị nào? thuộc lĩnh vực cụ thể nào? mô tả chi tiết.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**B. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cao su – Nhựa thì thực hiện các câu: 21 và câu 22.**

**21. Sản phẩm đăng ký là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho ngành công nghiệp nào sau đây? (có thể chọn nhiều câu trả lời)**

a. Cơ khí

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

b. Điện tử

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

c. Lương thực – Thực phẩm

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

d. Dệt may

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....

.....

.....

.....  
 .....  
 e. Da giày

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....  
 .....  
 .....

f. Ngành khác

Nêu rõ mục đích sử dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm

.....  
 .....  
 .....

**22. Sản phẩm đăng ký có yêu cầu về mức độ công nghệ, kỹ thuật và độ chính xác cao hay không?**

a. Không

b. Có

Nếu chọn "Có" thì đề nghị mô tả cụ thể

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**C. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Lương thực – Thực phẩm thì thực hiện các câu: 23, 24, 25 và 26**

**23. Sản phẩm đăng ký có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến HACCAP hoặc ISO 22000:2005 không?**

a. Không

b. Đang xây dựng

Đề nghị ghi rõ giai đoạn đang thực hiện

.....  
.....

c. Có  (đính kèm chứng nhận)

24. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá được quy đổi về “Việt Nam đồng”):

a. Trong nước : ..... %

b. Nhập khẩu : ..... %

25. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Bất ổn định thường phải tìm nguồn thay thế khác

b. Tương đối ổn định

c. Rất ổn định

26. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Không

b. Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng

c. Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm

d. Cả 2 câu b và c

**D. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Điện tử thì thực hiện các câu: 27, 28 và câu 29**

27. Sản phẩm đăng ký có đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang những thị trường có yêu cầu tiêu chuẩn cao?

a. Không

b. Có

Nếu chọn “CÓ” thì đề nghị liệt kê cụ thể thị trường và tiêu chuẩn nào?

.....  
 .....  
 .....

28. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm?

- a. Không   
 b. Có

Nếu chọn “CÓ” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu nào? tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm của đối tác nào? mô tả cụ thể

.....  
 .....  
 .....  
 .....

29. Sản phẩm có đạt chứng nhận an toàn, ổn định và tiết kiệm năng lượng không?

- a. Không   
 b. Có  (đính kèm các chứng nhận, chứng chỉ liên quan)

**E. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Dệt May – Da Giày thì thực hiện các câu: 30, 31, 32, 33, 34 và 35.**

30. Hình thức gia công hiện nay đối với sản phẩm đăng ký? Nêu rõ sản phẩm được gia công cho thương hiệu, đối tác nào? hình thức, mức độ gia công (CMT, FOB, ODM)?

.....  
 .....  
 .....  
 .....



31. Tự đánh giá mức độ nhận biết của người tiêu dùng (tổ chức, cá nhân) đối với sản phẩm đăng ký (tình hình phát triển doanh thu, hệ thống phân phối, thị phần, thương hiệu, ...)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

32. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá được quy đổi về “Việt Nam đồng”):

a. Trong nước : ..... %

b. Nhập khẩu : ..... %

33. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện: (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Bất ổn định thường phải tìm nguồn thay thế khác

b. Tương đối ổn định

c. Rất ổn định

34. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không? (Chọn 1 trong các câu trả lời sau)

a. Không

b. Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng

c. Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm

d. Cả 2 câu b và c

35. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu?

a. Không

b. Có

Nếu chọn “C6” thì đề nghị nêu rõ sản phẩm tham gia vào chuỗi cung ứng cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu nào, thương hiệu nào?

.....

.....

.....

.....

.....

*Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mã số: \_\_\_\_\_



**THANG ĐIỂM  
ĐÁNH CHO BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG  
NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TIÊU BIỂU  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753 /QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Tên sản phẩm – nhóm sản phẩm:.....

Thuộc nhóm ngành:

Cơ khí

Cao su – Nhựa

Điện tử

Lương thực – Thực phẩm

Dệt may

Da giày

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số: \_\_\_\_\_

**1. Khối lượng/sản lượng, doanh thu của sản phẩm:**

(chỉ tính điểm đối với chỉ tiêu về tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất, đối với chỉ tiêu còn lại là doanh thu chỉ có tính chất tham khảo).

- Điểm tối đa: 9đ
- Cách tính: **Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất** được tính căn cứ vào cột “**Nội địa + Xuất khẩu**” theo từng năm; điểm sẽ cho theo **từng năm** và **cộng dồn** các năm lại với nhau sẽ được tổng điểm DN đạt được.

Tốc độ tăng khối lượng/sản lượng sản xuất	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
	<10%	10-50%	>50%	<10%	10-50%	>50%	<10%	10-50%	>50%
Điểm từng năm	0	1   2	3	0	1   2	3	0	1   2	3
Tổng điểm									

**2. Giá trị gia tăng (GTGT) của sản phẩm sản xuất:**

- Điểm tối đa: 6đ
- Cách tính: Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu được tính điểm cho từng năm, cộng dồn các năm lại với nhau sẽ được tổng điểm DN đạt được. Trong đó, sản phẩm có tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu càng thấp thì điểm chấm sẽ càng cao.
- Thang điểm:

Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, linh kiện trên doanh thu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Điểm từng năm	0   1   2	0   1   2	0   1   2
Tổng điểm			

**3. Thiết kế sản phẩm đăng ký có từ :**

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Sử dụng thiết kế do khách hàng cung cấp	Mua thiết kế	Tự nghiên cứu thiết kế
Điểm	0   1	0   1	0   1

4. Thời gian đổi mới thiết kế sản phẩm là bao lâu? Câu này chỉ tính điểm trong trường hợp sản phẩm “tự nghiên cứu thiết kế”

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Dưới 3 tháng	Khoảng 3 tháng 1 lần	Khoảng 6 tháng 1 lần	Khoảng 12 tháng 1 lần	Theo chu kỳ sản phẩm dự kiến	Theo thị trường
<b>Điểm</b>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>

5. Điều gì làm cho sản phẩm của doanh nghiệp có sự khác biệt so với các loại khác trên thị trường:

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: trường hợp có nhiều câu trả lời thì câu trả lời nào có điểm cao nhất sẽ được chọn.
- Thang điểm:

	Chất lượng sản phẩm	Giá	Dịch vụ phân phối – hậu mãi	Tính đặc thù hay tính độc đáo
<b>Điểm</b>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>

6. Doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận quản lý chất lượng (hoặc chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế khác) về sản phẩm đăng ký hiện nay:

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Chưa triển khai	Đang thực hiện, chờ chứng nhận	Đã có (GCN còn hiệu lực)
<b>Điểm</b>	<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/>

**7. Máy móc thiết bị/dây chuyền đang sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký:**

- Điểm tối đa: 6đ
- Cách tính: điểm cho theo từng mục gồm: năm sản xuất (mục 7.1); quốc gia sản xuất (mục 7.2) và năm đầu tiên bắt đầu sử dụng MMTB (mục 7.3). Cộng 3 mục (7.1+7.2+7.3) sẽ được tổng điểm mà DN đạt được.
- Thang điểm:

**7.1 Năm sản xuất máy móc, thiết bị/dây chuyền**

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	MMTB được SX trước năm 2000	MMTB được SX trong thời gian 2001 - 2009	MMTB được SX từ năm 2010 đến nay
<b>Điểm</b>	0	0 1	1 2

**7.2 Quốc gia sản xuất máy móc, thiết bị/dây chuyền**

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Châu Âu, Nhật, Mỹ	Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Khác
<b>Điểm</b>	1 2	0 1	0

**7.3 Năm đầu tiên máy móc, thiết bị/dây chuyền bắt đầu sử dụng**

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Trước năm 2000	Từ năm 2001 - 2009	Từ năm 2010 đến nay
<b>Điểm</b>	0 1	0 1	1 2

**Tổng điểm**

(mục 7.1+mục 7.2 + mục 7.3)

8. Mức độ sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất:

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

Chi phí lao động/tổng chi phí	<10%	10% - <40%	>= 40
Điểm	2	1	0

9. Doanh nghiệp thực hiện chế độ kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm trong giai đoạn nào?

- Điểm tối đa: 3đ
- Thang điểm:

	Giai đoạn cuối cùng của sản phẩm	Bắt đầu từ giai đoạn sản xuất sản phẩm	Bắt đầu từ khâu chọn nguyên, vật liệu, linh kiện
Điểm	0 1	1 2	2 3

10. Quy trình sản xuất có tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường không?

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	2đ

11. So với chất lượng các sản phẩm cùng loại hiện tại trên thị trường thì chất lượng sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào ?

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: chỉ tính điểm đối với cột "sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX ở nước ngoài", riêng đối với cột "sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX trong nước" chỉ mang tính chất tham khảo

- Thang điểm:

	Chất lượng thấp hơn	Chất lượng tương đương	Chất lượng cao hơn
1. Sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX trong nước	0	0	0
2. Sản phẩm đăng ký so với sản phẩm cùng loại được SX ở nước ngoài	0	1	2

12. So với giá các sản phẩm cùng loại nhập khẩu hiện tại trên thị trường thì giá sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp là như thế nào ?

- Điểm tối đa: 2đ

- Thang điểm:

	Giá cao hơn	Giá tương đương	Giá thấp hơn
Điểm	0 1	0 1	1 2

13. Sản phẩm đăng ký của doanh nghiệp có xuất khẩu ra nước ngoài không?

- Điểm tối đa: 2đ

- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	2đ

14. Sản phẩm đã xuất khẩu sang những thị trường nào sau đây? câu này chỉ được tính điểm khi câu 13 chọn "Có"

- Điểm tối đa: 14đ

- Cách tính: điểm được tính cho từng thị trường xuất khẩu. Cộng điểm của mỗi thị trường xuất khẩu sẽ được tổng điểm DN đạt được.

- Thang điểm:

Thị trường xuất khẩu	Bắc Mỹ	Châu Âu	Châu đại dương	Châu Á	Thị trường khác
Điểm	4 5	3 4	2 3	0 1	0 1
Tổng điểm					



**15. Năng lực sản xuất sản phẩm:**

- Điểm tối đa: 2đ
- Thang điểm:

<b>Tỷ lệ năng lực sản xuất thực tế so với năng lực thiết kế</b>	< 20%	20 % - 50%	> 50%
<b>Điểm</b>	0	0 1	1 2

**16. Những kênh tiếp thị mà doanh nghiệp sử dụng:**

- Điểm tối đa: 2đ
- Cách tính: điểm chỉ được tính cho 1 kênh tiếp thị, trường hợp doanh nghiệp chọn nhiều kênh tiếp thị thì kênh tiếp thị nào có điểm cao nhất sẽ được chọn.
- Thang điểm:

	Website DN	Website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại	Khách hàng cũ giới thiệu	Các phương tiện truyền thông	Khác
<b>Điểm</b>	0 1	0 1	1 2	0 1	0 1	0 1

**17. Sản phẩm đăng ký đã đạt được những danh hiệu, giải thưởng uy tín về sản phẩm đăng ký hiện nay:**

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Không	Có (không kể số lượng)
<b>Điểm</b>	0đ	1đ

**18. Sản phẩm đăng ký có thuộc danh mục kích cầu của Thành phố?**

- Điểm tối đa: 1đ
- Thang điểm:

	Không	Có
<b>Điểm</b>	0đ	1đ

**TỪ CÂU 19 TRỞ ĐI, CÁC CÂU SẼ ĐƯỢC CHẤM ĐIỂM TÙY THUỘC VÀO  
LĨNH VỰC SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**

**A. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cơ khí thì chấm điểm các câu: 19 và 20**

**19. Sản phẩm đăng ký có phải là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?**

- Điểm tối đa: 15đ
- Thang điểm:

	Không	Có				
<b>Điểm</b>	0đ	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15

**20. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp?**

- Điểm tối đa: 25đ
- Thang điểm:

	Không	Có				
<b>Điểm</b>	0đ	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15
		16	17	18	19	20
		21	22	23	24	25

**B. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Cao su – Nhựa thì chấm điểm các câu: 21 và câu 22**

**21. Sản phẩm đăng ký là sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật cung ứng cho ngành công nghiệp nào sau đây?**

- Điểm tối đa: 15đ

- Thang điểm:

	<b>Các ngành công nghiệp</b>				
<b>Điểm</b>	1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10
	11	12	13	14	15

**22. Sản phẩm đăng ký có yêu cầu về mức độ công nghệ, kỹ thuật và độ chính xác cao hay không?**

- Điểm tối đa: 25đ
- Thang điểm:

	<b>Không</b>	<b>Có</b>				
<b>Điểm</b>	0	1	2	3	4	5
		6	7	8	9	10
		11	12	13	14	15
		16	17	18	19	20
		21	22	23	24	25

**C. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Lương thực – Thực phẩm thì chấm điểm các câu: 23, 24, 25 và 26**

**23. Sản phẩm đăng ký có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến HACCAP hoặc ISO 22000:2005 hay không?**

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

	<b>Không</b>	<b>Đang xây dựng</b>	<b>Có</b>
<b>Điểm</b>	0đ	1   2   3   4   5	10đ

**24. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá):**

- Điểm tối đa: 20đ

- Thang điểm:

<b>Trong nước</b>	1% – 20%	21% – 40%	41% – 60%	61% – 80%	81% – 100%																				
	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr><tr><td>3</td><td>4</td></tr></table>	1	2	3	4	<table border="1"><tr><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>7</td><td>8</td></tr></table>	5	6	7	8	<table border="1"><tr><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>11</td><td>12</td></tr></table>	9	10	11	12	<table border="1"><tr><td>13</td><td>14</td></tr><tr><td>15</td><td>16</td></tr></table>	13	14	15	16	<table border="1"><tr><td>17</td><td>18</td></tr><tr><td>19</td><td>20</td></tr></table>	17	18	19	20
1	2																								
3	4																								
5	6																								
7	8																								
9	10																								
11	12																								
13	14																								
15	16																								
17	18																								
19	20																								
<b>Nhập khẩu</b>	0đ																								

25. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện:

- Điểm tối đa: 6đ
- Thang điểm:

	<b>Bất ổn định, thường phải tìm nguồn thay thế khác</b>	<b>Tương đối ổn định</b>	<b>Rất ổn định</b>							
<b>Điểm</b>	<table border="1"><tr><td>0</td></tr></table>	0	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td></tr></table>	1	2	3	<table border="1"><tr><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr></table>	4	5	6
0										
1	2	3								
4	5	6								

26. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không?

- Điểm tối đa: 4đ
- Thang điểm:

	<b>Không</b>	<b>Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng</b>	<b>Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm</b>	<b>Cả 2 câu b và c</b>									
<b>Điểm</b>	<table border="1"><tr><td>0</td><td>1</td></tr></table>	0	1	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr></table>	1	2	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td></tr></table>	1	2	<table border="1"><tr><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr></table>	2	3	4
0	1												
1	2												
1	2												
2	3	4											

**D. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Điện tử thì chấm điểm các câu: 27, 28 và câu 29**

27. Sản phẩm đăng ký có đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang những thị trường có yêu cầu tiêu chuẩn cao?

- Điểm tối đa: 5đ

- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	1 2 3 4 5

28. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên liệu, linh kiện để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm?

- Điểm tối đa: 25đ

- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	1 2 3 4 5
		6 7 8 9 10
		11 12 13 14 15
		16 17 18 19 20
		21 22 23 24 25

29. Sản phẩm có đạt chứng nhận an toàn, ổn định và tiết kiệm năng lượng không?

- Điểm tối đa: 10đ

- Thang điểm:

	Không	Có
Điểm	0đ	1 2 3 4 5
		6 7 8 9 10

E. Nếu sản phẩm đăng ký thuộc ngành Dệt May – Da Giày thì chấm điểm các câu: 30, 31, 32, 33, 34 và 35

30. Hình thức gia công hiện nay đối với sản phẩm đăng ký?

- Điểm tối đa: 5đ

- Thang điểm:

	Hình thức gia công
Điểm	1 2 3 4 5

**31. Tự đánh giá mức độ nhận biết của người tiêu dùng (tổ chức, cá nhân) đối với sản phẩm đăng ký**

- Điểm tối đa: 5đ
- Các tính:
  - + Về doanh thu và giá trị gia tăng: tham khảo câu số 1 và câu 2
  - + Về thị trường: tham khảo câu số 11, 12, 13, 14 và câu 16
  - + Về giải thưởng: tham khảo câu số 17
- Thang điểm:

	<b>Thương hiệu phát triển mạnh, mức độ nhận biết của người tiêu dùng tăng nhanh</b>					
<b>Điểm</b>	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5
1	2	3	4	5		

**32. Tỷ lệ nguyên vật liệu, linh kiện sản xuất trong nước được sử dụng để sản xuất sản phẩm đăng ký trong năm 2014 (tính theo trị giá):**

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

Trong nước	1% – 20%	21% – 40%	41% – 60%	61%–80%	81% –100%										
	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table>	1	2	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>	3	4	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>	5	6	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> </tr> </table>	7	8	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">10</td> </tr> </table>	9	10
1	2														
3	4														
5	6														
7	8														
9	10														
<b>Nhập khẩu</b>	0đ														

**33. Mức độ ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện:**

- Điểm tối đa: 6đ
- Thang điểm:

	<b>Bất ổn định, thường phải tìm nguồn thay thế khác</b>	<b>Trung đối ổn định</b>	<b>Rất ổn định</b>							
<b>Điểm</b>	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> </tr> </table>	0	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> </tr> </table>	1	2	3	<table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>	4	5	6
0										
1	2	3								
4	5	6								

34. Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu có thể được thay thế bằng nguyên vật liệu, linh kiện trong nước không?

- Điểm tối đa: 4đ
- Thang điểm:

	Không	Được nhưng không đạt yêu cầu chất lượng	Được nhưng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm	Cả 2 câu b và c
Điểm	0   1	1   2	1   2	2   3   4

35. Sản phẩm đăng ký có phải là nguyên phụ liệu, phụ kiện tham gia vào chuỗi cung ứng sản xuất các sản phẩm có thương hiệu phát triển mạnh hoặc các sản phẩm xuất khẩu?

- Điểm tối đa: 10đ
- Thang điểm:

<b>Điểm</b>	1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10

36. Đối với các sản phẩm công nghiệp được đề cử bởi các hội, hiệp hội và độc giả trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn sẽ được cộng thêm 2 điểm.

Như vậy, tổng điểm theo các tiêu chí chính thức là 100 điểm và điểm cộng thêm là 2 điểm. Các sản phẩm được bình chọn trong số các sản phẩm đăng ký phải đạt tổng điểm từ 70 điểm trở lên.

\*\*\*\*\*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 944/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế tập thể Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2016 - 2020 về phát triển Kinh tế tập thể;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 831/SKHĐT-KT ngày 02 tháng 02 năm 2016,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế tập thể của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 (kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban chỉ đạo phát triển Kinh tế tập thể thành phố, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các sở, ngành của thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015**

#### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Hợp tác xã:**

Tổng số hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn Thành phố là: 485 đơn vị (trong đó thành lập mới: 09 đơn vị), 67 hợp tác xã đã ngưng hoạt động, đang chờ giải thể.

Tổng số xã viên hợp tác xã: 62.000 người.

Tổng số lao động: 60.000 người.

Năm 2015 số hợp tác xã mới thành lập đạt tỷ lệ 45% (9/20) so với chỉ tiêu kế hoạch. Số lượng hợp tác xã tiến hành chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã 2012 là 242 hợp tác xã (đạt tỉ lệ gần 50% so với kế hoạch đến hết năm 2016 hoàn thành chuyển đổi 100%).

##### **2. Liên hiệp hợp tác xã:**

Tổng số liên hiệp hợp tác xã là 8 đơn vị nhưng hiện có 04 liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động.

Năm 2015 không có liên hiệp hợp tác xã mới nào được thành lập, không đạt chỉ tiêu kế hoạch là 01 đơn vị.

##### **3. Tổ hợp tác:**

Tổng số tổ hợp tác: 3.028 tổ, trong đó thành lập mới: 200 tổ.

Tổng số lao động làm việc trong các tổ hợp tác: 53.000 người.

Năm 2015 chỉ tiêu phát triển tổ hợp tác đạt 100% (200/200).

#### **4. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã qua đào tạo:**

Trong năm 2015, đào tạo cán bộ trình sơ cấp, trung cấp: 14 cán bộ, nâng tổng số lên 922/1340 cán bộ có trình độ sơ cấp và trung cấp, chiếm 68,80%.

Đào tạo cao đẳng, đại học, trên đại học: 28 người, nâng tổng số cán bộ đạt trình độ cao đẳng trở lên là 418 người, đạt 31,2% (hoàn thành kế hoạch năm 2015 là 30%).

#### **5. Thu nhập bình quân:**

Thu nhập bình quân một lao động trong khu vực kinh tế tập thể: 3.500.000 đồng/tháng đạt kế hoạch năm 2015.

Thu nhập bình quân một xã viên hợp tác xã: 4.000.000 đồng/tháng (vượt kế hoạch 3.500.000 đồng/tháng).

Thu nhập bình quân một cán bộ quản lý hợp tác xã 5.000.000 đồng/tháng (kế hoạch 4.500.000 đồng/tháng).

Chia lãi xã viên trên vốn góp bình quân: 18%/năm (đạt kế hoạch 18%/năm).

Thu nhập bình quân một thành viên tổ hợp tác: 3.000.000 đồng/tháng.

## **II. ĐÁNH GIÁ THEO LĨNH VỰC**

### **1. Lĩnh vực Nông nghiệp:**

Hiện Thành phố có 49 hợp tác xã nông nghiệp, giảm 12 hợp tác xã so với năm 2014. Do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, đất đai canh tác giảm, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, thời tiết không thuận lợi, một số hợp tác xã đã ngưng hoạt động hoặc giải thể. Tuy nhiên vẫn có một số hợp tác xã nông nghiệp có những bước chuyển đổi nhanh chóng để thích nghi như: kết hợp hoạt động sản xuất, thương mại nông nghiệp với dịch vụ; cung ứng vật tư đầu vào; cung cấp dịch vụ hàng hóa như: dịch vụ cây cảnh, cá cảnh, cá sấu...

Chính sách hỗ trợ và thu hút nhân lực có trình độ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp của Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua hỗ trợ ngoài lương mỗi người có trình độ đại học là 1.200.000đồng/người/tháng, trình độ cao đẳng là 800.000 đồng/người/tháng (Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho người lao động có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với những người có trình độ cao đẳng làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh) đã có tác động tích cực. Năm 2015 thu hút được thêm 140 người có trình độ đại học và cao đẳng tham gia quản lý, tăng gần 03 lần so với số trung bình 50 người

tăng thêm mỗi năm trong giai đoạn 2011-2014. Trong năm 2015 đã hỗ trợ được hơn 523 triệu cho 39 cán bộ có trình độ cao đẳng và đại học.

Ngày 08 tháng 06 năm 2015 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND về Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới giai đoạn 2015-2020 theo mức 100.000.000 đồng/hợp tác xã. Việc tăng mức hỗ trợ một cách đáng kể sẽ khuyến khích thành lập các hợp tác xã mới trong lĩnh vực nông nghiệp.

Số lượng hợp tác xã nông nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trong năm 2015 có hiệu quả là 19/49 hợp tác xã, chiếm tỉ lệ 38,8% (so với 31,1% năm 2014), tuy có xu hướng tăng lên nhưng chưa đáng kể. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, rủi ro nên chưa phát triển được.

Một số hợp tác xã nông nghiệp đã chủ động mở rộng hoặc liên kết với các hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực khác, hình thành các hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ đa ngành, kinh doanh tổng hợp (hoạt động cả trong lĩnh vực thương mại, vệ sinh môi trường). Trong đó, tập trung vào hoạt động cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đầu vào (cây, con giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chăm sóc thú y, thức ăn chăn nuôi, chuyển giao khoa học - kỹ thuật nuôi trồng...), bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hợp tác xã, xã viên, hộ gia đình.

Các hợp tác xã nông nghiệp - làng nghề trồng hoa lan, cây cảnh, nuôi cá cảnh... có giá trị kinh tế cao, có khả năng xuất khẩu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi ở nông thôn được chính quyền quan tâm hỗ trợ.

Bước đầu hình thành được chuỗi liên kết giữa các hợp tác xã nông nghiệp với hệ thống hợp tác xã thương mại, siêu thị để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên thông qua hội nghị kết nối cung cầu của Thành phố tổ chức.

Hiện nay có 56/58 xã của Thành phố đã có tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, vệ sinh môi trường, quỹ tín dụng nhân dân hoạt động hiệu quả.

## **2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

Thành phố hiện có 86 hợp tác xã hoạt động trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, giảm 10 hợp tác xã so với năm 2014. Nguyên nhân do hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã quy mô nhỏ thành hợp tác xã quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

Sản phẩm chủ yếu của các hợp tác xã là dệt, thêu ren, da (thuộc da, sản xuất các sản phẩm làm từ da), chạm khắc, gốm sứ tiêu dùng và mỹ nghệ, mây, tre, gỗ, chế

biến thực phẩm, in trên bông vải, các làng nghề... Nhìn chung các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp có nhiều cố gắng, chủ động tìm thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại như: tham gia các hội chợ triển lãm, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại do Liên minh Hợp tác xã Thành phố tổ chức, tham gia hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm của Thành phố, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại nước ngoài do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức. Một số hợp tác xã đã đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và đời sống của người lao động, cung ứng hàng tiêu dùng thiết yếu cho xã hội và cho xuất khẩu.

Nhiều đơn vị hợp tác xã tham gia chương trình khuyến công cùng với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các cụm công nghiệp, tạo tiền đề cho việc hình thành các làng nghề mới, bảo tồn các làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

Công tác tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã mới được chú ý tập trung từ các hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ hộ sản xuất gia đình nguồn vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Quỹ hỗ trợ vốn cho các hợp tác xã thay đổi máy móc, phương tiện, công cụ, khoa học – công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại, xử lý chất thải, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên kết quả đạt được còn nhiều hạn chế.

### **3. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản**

Hiện có 08 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã (07 hợp tác xã đang ngưng hoạt động). Do khó khăn chung của thị trường bất động sản nên các hợp tác xã ngưng hoạt động. Thị trường bất động sản năm 2015 đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa có chuyển biến tích cực đối với các hợp tác xã trong lĩnh vực này.

### **4. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ:**

Hiện có 115 hợp tác xã đang hoạt động, giảm 12,9% so với năm 2014 (132 hợp tác xã năm 2014) và 02 liên hiệp hợp tác xã phát triển mạng lưới khắp các quận/huyện trong Thành phố. Tỷ lệ phát triển mới đạt 7,3% trong năm 2014 (cao nhất trong các lĩnh vực hoạt động). Cơ cấu thực tế có khoảng 20% hợp tác xã quy mô nhỏ với số vốn dưới 100 triệu đồng là những đơn vị kinh doanh chưa có hiệu quả. Khoảng 65% hợp tác xã có quy mô vốn trung bình từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng là các hợp tác xã kinh doanh có hiệu quả, có điều kiện tiếp cận được với nguồn vốn vay của ngân hàng nên doanh thu hàng năm đều tăng. Khoảng 12% hợp tác xã có số vốn

từ 01 tỷ đến 06 tỷ đồng, kinh doanh có hiệu quả tương đối khá. Số còn lại là những hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô vốn lớn, có thương hiệu và uy tín trên thị trường.

Đa phần các hợp tác xã thương mại - dịch vụ đều kinh doanh bán lẻ hàng tiêu dùng với phương thức bán hàng văn minh, tiện ích, giá cả phù hợp, đảm bảo an toàn thực phẩm và chất lượng hàng hóa. Hầu hết tổ chức tốt hoạt động tiếp thị, làm đại lý phân phối cho các nhà phân phối lớn, xây dựng các cửa hàng quầy sạp bán lẻ tới tận khu dân cư. Hoạt động của các hợp tác xã ngành thương mại - dịch vụ khá năng động, nhạy bén luôn tìm hướng đi mới để thích ứng với đòi hỏi cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường. Các hợp tác xã tiêu biểu trong lĩnh vực này trong nhiều năm vẫn giữ được mức độ tăng trưởng tốt gồm: Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố (Sàigòn Co.op), Liên hiệp hợp tác xã Tân Bình, Hợp tác xã thương mại Đô Thành, Hợp tác xã thương mại Củ Chi, Hợp tác xã thương mại Gia Định, Hợp tác xã thương mại - dịch vụ Quận 3, Hợp tác xã thương mại - dịch vụ quận 11... doanh thu hàng năm đạt mức trên 500 tỷ đồng. Những đơn vị như: Hợp tác xã thương mại Bình Tây, Hợp tác xã Tân Kiên, Hợp tác xã thương mại - dịch vụ Tân Tiến, Hợp tác xã thương mại - dịch vụ Phú Thạnh... luôn chú trọng vào việc cải tiến phương thức hoạt động, tổ chức nhiều hình thức thu hút khách hàng, tổ chức bán hàng lưu động, có chương trình thưởng cho xã viên mua nhiều hàng hoá, có các chương trình khuyến mãi nhằm thu hút khách hàng và nâng doanh số bán hàng.

Có 26 hợp tác xã đang tổ chức quản lý và kinh doanh khai thác 33 chợ loại 2 và loại 3. Kết quả quản lý khai thác chợ hoạt động tốt, tăng thu nhập cho xã viên, nộp ngân sách nhà nước tăng từ 10%-30% so với lúc chưa đấu thầu. Năm 2015 các hợp tác xã thương mại dịch vụ hoạt động ổn định, tốc độ tăng doanh thu bình quân 15-25% so với cùng kỳ.

### **5. Lĩnh vực giao thông vận tải:**

Số lượng hợp tác xã giao thông vận tải đang hoạt động là 194 hợp tác xã và 02 liên hiệp hợp tác xã. Sau khi sắp xếp lại đã giảm 16 hợp tác xã so với năm 2014.

**Khu vực xe buýt:** Ngày 23 tháng 05 năm 2014, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Quyết định số 2545/QĐ-UBND phê duyệt đề án thay mới 1680 xe buýt. Các hợp tác xã vận tải hành khách công cộng đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện đề án giai đoạn từ năm 2014 – 2017. Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã đã có kế hoạch phối hợp với các tổ chức tín dụng hỗ trợ vốn thay đổi đầu xe cho các hợp tác xã.

Các hợp tác xã kinh doanh vận chuyển hành khách trên các tuyến cố định liên tỉnh đường dài chiếm 77,7% số lượng đầu phương tiện. Riêng các hợp tác xã vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá chiếm 73,1% thị phần sản lượng và đầu phương tiện toàn Thành phố.

**Khu vực Taxi:** Hiện các hợp tác xã đang quản lý trên 1.000 đầu xe taxi. Mô hình tập trung đầu xe theo hình thức góp vốn bằng phương tiện có hội đồng định giá tài sản đang hoạt động tốt ở một số hợp tác xã. Một số hợp tác xã dùng hình thức mua xe trả góp ngân hàng theo tỷ lệ thỏa thuận làm gia tăng số đầu xe như Hợp tác xã Hoàn Mỹ, Taxi Đất Thép, Taxi 27/7.

**Khu vực vận tải hàng hóa:** Đã có thị phần và hiện kinh doanh ổn định. Một số hợp tác xã vận tải hàng hóa có số đầu xe trên 1.000 chiếc phục vụ vận chuyển hàng hóa trong cả nước. Một số hợp tác xã có trạm dịch vụ sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế. Các quy định về trọng lượng tại các trạm cân, phí vận tải thay đổi khiến các hợp tác xã vận tải gặp không ít khó khăn.

**Khu vực dịch vụ bốc xếp:** Có 18 hợp tác xã đang hoạt động đều gặp những khó khăn về mặt kho bãi và cạnh tranh gay gắt. Một số hợp tác xã đã vượt qua khó khăn để phát triển tốt, tăng vốn, tăng số lượng xã viên; mạnh dạn đầu tư các dây chuyền vận chuyển và các xe chuyên dụng có giá trị lớn. Tiêu biểu là Hợp tác xã vận tải cơ giới xếp dỡ Đại Thành, Hợp tác xã vận tải Liên Minh, Hợp tác xã Bình Điền... Phát triển nhiều dịch vụ bốc xếp, đóng gói, vận chuyển và logistic tại cảng, kho bãi, các chợ đầu mối, các khu công nghiệp; hỗ trợ các hợp tác xã bốc xếp đầu tư các phương tiện, thiết bị bốc xếp, vận chuyển chuyên dùng, thay bốc xếp thủ công.

## **6. Lĩnh vực dịch vụ môi trường:**

Hiện có 14 đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực này. Các hợp tác xã đã đầu tư phương tiện thu gom và vận chuyển rác. Các quận/huyện đang triển khai việc chuyển đổi các nghiệp đoàn, tổ thu gom rác dân lập thành tổ hợp tác, hợp tác xã thu gom rác hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trang bị phương tiện thu gom vận chuyển rác và giao địa bàn hoạt động.

Các hợp tác xã vệ sinh môi trường phát triển theo hướng dịch vụ môi trường kết hợp với nông nghiệp ở các quận ven, huyện ngoại thành, liên kết khép kín hoạt động các khâu thu gom, vận chuyển, phân loại, tái chế chất thải rắn thông thường phục vụ nông nghiệp.

## **7. Quỹ tín dụng nhân dân:**

Thành phố có 19 quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động với 51.163 thành viên. Tổng nguồn vốn hoạt động đã tăng lên 1.243 tỷ đồng, vốn điều lệ 70 tỷ đồng, vốn huy động 1.193 tỷ đồng, dư nợ tín dụng 883 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của các quỹ đều đạt hiệu quả, các khoản nợ tồn đọng dưới mức qui định. Mặc dù đối mặt với không ít khó khăn nhưng với sự hoạt động tích cực, các quỹ tín dụng đã kịp thời hỗ trợ nhu cầu vay vốn cho các thành viên.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố luôn phối hợp với Ủy ban nhân dân quận/huyện trong việc kịp thời củng cố nhân sự, củng cố hoạt động đối với quỹ tín dụng nhân dân yếu kém, thua lỗ, giúp các quỹ này hoạt động lại hiệu quả hơn.

Hiệp hội tín dụng phía Nam đã tổ chức nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tín dụng cho các thành viên bình quân 4 lớp/năm.

## **8. Lĩnh vực Dịch vụ trường học:**

Hợp tác xã trường học Thanh niên YouthCoop thành lập vào năm 2013, đã đi vào hoạt động thông qua việc cung cấp dịch vụ căn tin, văn phòng phẩm cho giáo viên, học sinh tại các trường học. Dù bước đầu còn nhiều khó khăn, song với tinh thần phấn đấu, vượt khó của toàn thể ban quản trị, xã viên đến nay đã hoạt động tương đối ổn định.

# **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ**

## **1. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể**

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các sở, ngành và Liên minh Hợp tác xã Thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể hàng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể đã tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho kinh tế tập thể Thành phố. Liên minh Hợp tác xã tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách, pháp luật đến các đơn vị trong hệ thống hợp tác xã Thành phố.

## **2. Tuyên truyền về kinh tế tập thể**

Tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương phát triển kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước và Luật Hợp tác xã, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của các bộ, ngành về chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể cho các đối

tượng là cán bộ quản lý nhà nước tại các sở, ngành của Thành phố, quận, huyện và các cán bộ quản lý nghiệp vụ, thành viên, người lao động tại các hợp tác xã.

Bản tin kinh tế hợp tác phát hành mỗi tháng 1.000 ấn phẩm, trong đó có 01 số đặc biệt chào mừng Ngày Hợp tác xã Việt Nam 11/4. Cập nhật thường xuyên bản tin điện tử nhằm kịp thời cung cấp thông tin, chính sách, pháp luật về kinh tế đến các hợp tác xã, các sở, ngành, đoàn thể, quận huyện của Thành phố và xã viên người lao động các hợp tác xã.

### **3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã**

#### **a) Hỗ trợ xúc tiến thương mại**

Liên minh Hợp tác xã Thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm cho các hợp tác xã. Trong đó chú trọng việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ của các hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của Liên minh và các sở, ngành. Đồng thời vận động các hợp tác xã thương mại dịch vụ, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia xúc tiến thương mại trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa Thành phố với các tỉnh thành Đông Tây Nam Bộ như Hội chợ Trưng bày hàng nông sản, Hội chợ Xúc tiến tiêu dùng, Chương trình bình ổn thị trường, Hội nghị Kết nối cung cầu hàng năm...

#### **b) Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ**

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2015 về quy định chính sách khuyến khích việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (chủ đầu tư) đầu tư sản xuất và sơ chế các loại sản phẩm trồng trọt (rau, quả), chăn nuôi (heo, bò sữa, gia cầm) và thủy sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng). Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp và thủy sản áp dụng tiêu chuẩn VietGAP.

#### **c) Hỗ trợ hợp tác xã nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Các quận/huyện đã tổ chức thực hiện hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp được nâng mức hỗ trợ từ 800.000đ/tháng lên mức 1.200.000đ/tháng và hỗ trợ thêm cán bộ có trình độ cao đẳng là 800.000đ/tháng. Tổng số hỗ trợ đã thực hiện năm 2015 là 523 triệu đồng.



Liên minh Hợp tác xã đã tổ chức 20 lớp tuyên truyền, tư vấn về Luật Hợp tác xã năm 2012 nhằm giúp các hợp tác xã định hướng được việc thực hiện chuyển đổi theo quy định.

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực kinh tế tập thể thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020, hỗ trợ 100% kinh phí các lớp đào tạo dài hạn và bồi dưỡng ngắn hạn cho nhân sự quản lý hợp tác xã. Đã thực hiện đào tạo dài hạn cho 42 người và 932 lượt người được bồi dưỡng ngắn hạn với tổng kinh phí 1,268 tỷ đồng.

**d) Chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng triển khai các đề án phát triển hợp tác xã mô hình mới:**

Ngày 08 tháng 06 năm 2015 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND về việc ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các hợp tác xã nông nghiệp- dịch vụ thành lập mới giai đoạn 2015-2020 (100.000.000 đồng/hợp tác xã).

Hỗ trợ về vốn, mặt bằng và các chính sách ưu đãi cho các hợp tác xã xây dựng phát triển mô hình hợp tác xã nhà ở (hợp tác xã xây dựng nhà ở phục vụ cho các đối tượng có thu nhập thấp và hợp tác xã dịch vụ nhà ở).

Ngoài ra, chính quyền Thành phố còn hỗ trợ về vốn, mặt bằng và các chính sách ưu đãi cho các hợp tác xã xây dựng phát triển mô hình hợp tác xã nhà ở. Tiếp tục nghiên cứu mô hình hợp tác xã y tế, hợp tác xã trường học của Nhật Bản, hợp tác xã nhà ở của Thụy Điển; ngân hàng hợp tác xã của Hàn Quốc, bảo hiểm xã hội đối với hợp tác xã của Singapore. Khuyến khích xây dựng đề án phát triển và thí điểm triển khai các mô hình mới này.

**đ) Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế tập thể**

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể Thành phố và các quận/huyện thông qua việc kiện toàn, bổ sung các thành viên có trình độ, năng lực thích hợp đảm đương công việc đồng thời thay thế cho các thành viên đã về hưu hoặc chuyển công tác.

- Tăng cường hoạt động giám sát hợp tác xã trong việc thực hiện Luật hợp tác xã 2012, điều lệ hợp tác xã, việc tổ chức đại hội thường niên, đại hội theo nhiệm kỳ thông qua việc tham gia dự các đại hội thường niên, nhiệm kỳ cũng như góp ý vào điều lệ của các hợp tác xã khi tiến hành tổ chức Đại hội.

**e) Xây dựng triển khai các đề án phát triển HTX mô hình mới**

- Tiếp tục nghiên cứu mô hình hợp tác xã y tế, hợp tác xã trường học của Nhật Bản, hợp tác xã nhà ở của Thụy Điển; ngân hàng hợp tác xã của Hàn Quốc, bảo hiểm xã hội đối với hợp tác xã của Singapore xây dựng đề án phát triển và thí điểm triển khai.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội nông dân Thành phố cùng Liên minh Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp nghiên cứu việc xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

**f) Chính sách đất đai**

Hiện nay có 270 mặt bằng hợp tác xã được thuê thuộc sở hữu nhà nước với diện tích 351.810 m<sup>2</sup>, tăng 33 mặt bằng so với năm 2014. Liên minh Hợp tác xã Thành phố đã phối hợp với Ban chỉ đạo 09 (Sở Tài chính) khảo sát lập kế hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét giải quyết cho các hợp tác xã có đủ khả năng tài chính mua làm tài sản, nếu không đủ khả năng thì tiếp tục thuê lâu dài.

**g) Chính sách tín dụng**

Trong năm 2015, Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã đã trợ vốn cho 67.043 lượt thành viên (bao gồm các thành viên từ các hợp tác xã và tổ hợp tác), với doanh số trợ vốn là 1.138 tỷ đồng. Quỹ đã góp phần thúc đẩy hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ngày càng ổn định và phát triển bền vững, tạo điều kiện cho các thành viên, người lao động trong hợp tác xã, tổ hợp tác có thêm nguồn vốn kinh doanh, tăng thêm thu nhập.

**i) Đại hội Liên minh Hợp tác xã Thành phố lần thứ V nhiệm kỳ 2015 - 2020**

Đại hội Liên minh Hợp tác xã Thành phố lần thứ V nhiệm kỳ 2015-2020 tổ chức vào quý IV/2015 đã tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình kinh tế tập thể thành phố 5 năm qua; làm rõ những khó khăn, thuận lợi tác động đến hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã, nêu bật được vị trí, vai trò và những đóng góp của kinh tế tập thể đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, bên cạnh đó chỉ ra những hạn chế, yếu kém còn tồn tại và biện pháp khắc phục.

Đặc biệt, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2015-2020 của Liên minh Hợp tác xã Thành phố phải quán triệt và thể hiện đầy đủ nội dung phát triển kinh tế tập thể với trọng tâm là việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Thành phố theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) và Nghị quyết Đại hội V Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (nhiệm kỳ 2015-2020).

## **IV. CÁC HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA KTTT THÀNH PHỐ.**

### **1. Hạn chế, yếu kém:**

Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tăng chậm so với tiềm năng và nhu cầu. Phần lớn các hợp tác xã vẫn có quy mô rất nhỏ, ít vốn kinh doanh, khả năng tích lũy phân chia lợi nhuận cho xã viên và tái đầu tư còn thấp; tính chất và nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã chưa được thực hiện nghiêm; quan hệ giữa xã viên với tập thể trong các hợp tác xã tổ chức theo mô hình dịch vụ hỗ trợ còn chưa chặt chẽ. Các tổ hợp tác tuy có số lượng khá lớn, song số hoạt động hiệu quả chưa nhiều, tính gắn bó tự giác chưa cao. Việc hỗ trợ, định hướng phát triển tổ hợp tác thành hợp tác xã chưa hiệu quả. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các hợp tác xã ít phát huy tác dụng.

Hiện vẫn còn nhiều hợp tác xã chỉ được thuê nhà làm trụ sở, làm cơ sở kinh doanh trong thời gian ngắn, không ổn định nên không thể sửa chữa đầu tư đổi mới trang thiết bị phát triển sản xuất kinh doanh; chủ trương cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất không triển khai được do đa số hợp tác xã chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công tác thống kê đối với khu vực kinh tế tập thể chưa kịp thời, thiếu cơ sở để đánh giá theo yêu cầu của công tác kế hoạch.

### **2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:**

Nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, về hợp tác xã kiểu mới trong một bộ phận cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, cán bộ quản lý và xã viên hợp tác xã còn chưa đầy đủ. Vai trò của các đoàn thể chính trị-xã hội trong các hợp tác xã chưa được phát huy.

Nhiều hợp tác xã còn yếu cả về năng lực quản trị và khả năng tài chính; kỹ thuật, công nghệ, thiết bị còn lạc hậu, cũ kỹ; quy mô hoạt động nhỏ bé; thiếu tính nhạy bén với thị trường, sức cạnh tranh yếu; chưa thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên. Phần lớn cán bộ kỹ thuật, chuyên môn của hợp tác xã chưa qua đào tạo cơ bản. Thiếu ổn định và nhân sự điều hành qua các kỳ đại hội xã viên; một số hợp tác xã vẫn còn tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; tính cộng đồng trong hợp tác xã đã phát triển nhưng chưa cao.

Tổ chức Liên minh Hợp tác xã Thành phố chưa mạnh, chưa đủ sức đáp ứng các nhu cầu tư vấn, hỗ trợ của các hợp tác xã; thiếu cơ sở vật chất, kỹ thuật; trình độ,

năng lực đội ngũ cán bộ chưa cao và thiếu nguồn bổ sung, thay thế; chế độ đãi ngộ thấp nên nhiều cán bộ không an tâm công tác.

Các chính sách hỗ trợ chưa hấp dẫn và thu hút.

Hầu hết các hợp tác xã còn chậm chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Sự thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã trong Luật Hợp tác xã năm 2012 không dựa trên cơ sở thực tiễn, làm thay đổi toàn bộ cơ cấu tổ chức quản lý của địa phương.

**Phần thứ hai****KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2016****I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2016****1. Dự báo một số thuận lợi, khó khăn****a) Thuận lợi**

Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định thương mại tự do Việt - Hàn và một số hiệp định song phương hợp tác khác là yếu tố có thể thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, tăng cơ hội cạnh tranh cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam.

Thủ tướng chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24 tháng 07 năm 2015 về việc đẩy mạnh triển khai việc thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh tại Thành phố được cải thiện, thuận lợi cho các hoạt động kinh tế. Tình hình lạm phát, giá cả thị trường đang có nhiều mặt tích cực.

**b) Khó khăn**

Việc chuyển đổi hoạt động theo luật mới còn nhiều trở ngại.

Các chính sách hỗ trợ hợp tác xã chưa thiết thực, chưa hấp dẫn đối với xã viên tham gia vào các hình thức kinh doanh hợp tác xã.

**2. Mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế tập thể năm 2016****a) Mục tiêu chung**

Tập trung triển khai các giải pháp hỗ trợ các đơn vị kinh tế tập thể nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế. Hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012, hướng trọng tâm hoạt động vào phục vụ lợi ích kinh tế, xã hội của thành viên, tập thể và cộng đồng, góp phần giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống xã viên và người lao động.

**b) Một số chỉ tiêu cụ thể trong năm 2016:**

- Phát triển mới 300 tổ hợp tác, 35 hợp tác xã, 02 liên hiệp hợp tác xã;
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế tập thể đạt 12%/năm; đến 2020, nâng tỷ trọng đóng góp vào GDP Thành phố lên 1%;

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, nghiệp vụ hợp tác xã đã qua đào tạo có trình độ đại học trở lên đạt 35%; trình độ trung cấp, sơ cấp 65%.
- Thu nhập bình quân của người lao động, xã viên, cán bộ quản lý hợp tác xã tăng tối thiểu 10%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế tập thể đạt tối thiểu 10%.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Hợp tác xã nông nghiệp**

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp kết hợp làng nghề, du lịch; chủ yếu cung cấp các sản phẩm dịch vụ đầu vào (giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chăm sóc thú y, thức ăn chăn nuôi); bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các xã viên, hộ gia đình; tham gia các hoạt động dịch vụ vệ sinh trên địa bàn, góp phần bảo vệ môi trường.

Xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp - làng nghề trồng hoa lan, cây cảnh, nuôi cá cảnh... có giá trị kinh tế cao, có khả năng xuất khẩu; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi ở nông thôn.

Nghiên cứu phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới để từ đó tổ chức thí điểm và nhân rộng.

Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp tại các xã nông thôn mới của Thành phố.

Dự kiến năm 2016 phát triển mới 06 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

### **2. Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

Tập trung duy trì, củng cố và phát triển các hợp tác xã hiện có. Phát triển mới các hợp tác xã làng nghề tại các địa bàn có làng nghề truyền thống. Hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã có quy mô nhỏ thành hợp tác xã có quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Phát triển ở mỗi địa bàn làng nghề do 01 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp để làm cơ sở, nòng cốt phát triển làng nghề trên địa bàn Thành phố.

Hỗ trợ công tác trưng bày, giới thiệu sản phẩm của các hợp tác xã tại phòng trưng bày của đơn vị nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh, sản phẩm của các hợp tác xã ra thị trường.

Dự kiến thành lập mới 02 hợp tác xã.

### **3. Hợp tác xã thương mại - dịch vụ**

Tiếp tục phát triển hệ thống các cửa hàng bán lẻ tiện ích của các hợp tác xã trong các khu dân cư, đông công nhân lao động, tương tự mô hình chuỗi Co-op Food, cửa hàng Co-op và nhân rộng mô hình hợp tác xã kinh doanh chợ ở các địa bàn quận/huyện.

Phát triển mô hình hợp tác xã thương mại là nhà phân phối hàng hóa cho các công ty.

Phát triển hình thức liên kết kinh tế giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tăng thêm các hợp tác xã tham gia Chương trình bình ổn thị trường.

Dự kiến phát triển mới 04 hợp tác xã.

### **4. Hợp tác xã giao thông vận tải**

Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ vận tải cung cấp dịch vụ cho xã viên về vật tư, xăng dầu, sửa chữa phương tiện, kinh doanh bến bãi, dịch vụ đăng kiểm... tập trung củng cố các hợp tác xã vận tải hành khách bằng xe bus, liên tỉnh và taxi.

Kết nối các ngân hàng nhằm hỗ trợ vốn cho các hợp tác xã thực hiện đề án thay mới 1.680 xe buýt.

Đẩy mạnh việc đào tạo nghiệp vụ quản lý, điều hành cho cán bộ quản lý hợp tác xã, tăng cường các lớp tập huấn, tuyên truyền về pháp luật cho lái xe, tiếp viên nhất là các hợp tác xã vận chuyển hành khách tuyến cố định trong cả nước.

Dự kiến phát triển mới 05 hợp tác xã.

### **5. Quỹ tín dụng nhân dân**

Ổn định địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động đạt hiệu quả cao, củng cố hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân theo hướng dẫn hoạt động của Ngân hàng nhà nước.

### **6. Hợp tác xã dịch vụ mới**

Tập trung hỗ trợ việc thành lập các hợp tác xã của các hội viên, đoàn viên các đoàn thể Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động

Dự kiến phát triển mới 01 hợp tác xã vệ sinh môi trường, 01 hợp tác xã bốc xếp, 01 hợp tác xã dịch vụ trường học.

### **III. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2016**

#### **1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xã viên hợp tác xã**

Tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban Quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý nghiệp vụ hợp tác xã theo chỉ tiêu: 1.200 lượt

Phối hợp các trường Trung học, Cao đẳng, Đại học tổ chức đào tạo dài hạn cho cán bộ quản lý, nghiệp vụ hợp tác xã, chỉ tiêu như sau: Trung học, Cao đẳng: 60; Đại học: 15.

Tập huấn, bồi dưỡng cho 100 cán bộ tư vấn, quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo chương trình bồi dưỡng, tập huấn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân Thành phố và các chương trình, dự án tại Thành phố.

Tổ chức các lớp đào tạo cán bộ Liên minh Hợp tác xã, cán bộ quản lý hợp tác xã, người lao động và lớp cán bộ trẻ kế thừa với chỉ tiêu dự kiến: 70 lượt (phối hợp các trường trung cấp nông nghiệp, trung cấp quản lý doanh nghiệp vận tải, cao đẳng kế toán doanh nghiệp, Đại học tài chính ngân hàng...)

#### **2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại**

Liên minh Hợp tác xã Thành phố phối hợp với Sở Công thương để mở rộng các hoạt động xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tham gia. Tiếp tục triển khai Chương trình xúc tiến thương mại năm 2016 cho các hợp tác xã; Chương trình quảng bá thương hiệu; sản phẩm của hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã Thành phố và các sở ngành; hỗ trợ các hợp tác xã có sản phẩm xuất khẩu tham gia các Hội chợ triển lãm để tìm kiếm thị trường, tổ chức cho các hợp tác xã tham gia các Hội nghị kết nối thông tin sản phẩm của Thành phố.

Hỗ trợ hợp tác xã áp dụng kỹ thuật mới, đặc biệt là trong khâu đóng gói và bảo quản nông sản nhằm phát triển các hợp tác xã, làng nghề rau sạch của Thành phố.

Tổ chức các đoàn hợp tác xã đi tham quan, học tập kinh nghiệm và liên kết hợp tác với các nước trong khu vực và các tỉnh, thành cả nước.

Hỗ trợ các hợp tác xã đẩy mạnh hoạt động giao dịch thương mại điện tử có hiệu quả.

#### **3. Hỗ trợ tín dụng**

Năm 2016 phân đấu trợ vốn cho 67.000 lượt thành viên với tổng doanh số trợ vốn là 1.050 tỷ đồng.



Hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận các khoản ưu đãi theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện cho các hợp tác xã tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi qua Chương trình kết nối các ngân hàng với các doanh nghiệp của Thành phố tổ chức.

#### **4. Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 56/2005/NĐ-CP ngày 26/11/2005 của Chính phủ quy định chính sách về Chương trình khuyến nông, khuyến ngư.

Liên minh Hợp tác xã Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thu thập thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ của Trung ương trong việc đổi mới khoa học công nghệ, phổ biến cho hợp tác xã có nhu cầu tham gia.

Tổ chức tuyên truyền, mở các lớp tập huấn, tổ chức các điểm trình diễn về giống, cây con để giúp nông dân ứng dụng được tiến bộ kỹ thuật áp dụng cho quá trình sản xuất, chăn nuôi.

#### **5. Hỗ trợ tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

Liên minh Hợp tác xã Thành phố làm đầu mối tiếp nhận các dự án kinh tế xã hội, vận động và cùng các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức xúc tiến việc thực hiện các dự án của Thành phố giao. Thông qua các Chương trình dạy nghề, các dự án nhỏ như hỗ trợ vay vốn để giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho con em cán bộ quản lý hợp tác xã, xã viên tham gia lao động tại các hợp tác xã, trang trại, làng nghề...

Đẩy mạnh việc tuyên truyền cho người lao động trong hợp tác xã kiến thức hiểu biết về các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và Thành phố; các kiến thức pháp luật cơ bản như: hợp đồng lao động, công tác bảo hộ an toàn trong quá trình tham gia lao động, hạn chế thấp nhất tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...

#### **6. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn hỗ trợ, thành lập, ngừng hoặc giải thể hợp tác xã**

Liên minh Hợp tác xã Thành phố chủ động phát triển hoạt động tư vấn, hợp tác kinh tế đáp ứng nhu cầu tư vấn của các hợp tác xã.

Liên minh Hợp tác xã Thành phố phải tăng cường hoạt động giám sát hợp tác xã trong việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, điều lệ hợp tác xã, tổ chức đại hội thường niên, đại hội nhiệm kỳ; lập kế hoạch hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã theo

Luật Hợp tác xã năm 2012 đúng kế hoạch (100% hợp tác xã chuyển đổi theo đúng Luật Hợp tác xã mới trong năm 2016).

Nghiên cứu phát triển thêm một số hoạt động tư vấn khác nhằm thúc đẩy, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các doanh nghiệp trực thuộc.

### **7. Công tác tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã**

Đẩy mạnh việc tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 và các Nghị định, Thông tư liên quan đến kinh tế tập thể cho cán bộ các sở, ban, ngành và cán bộ quản lý hợp tác xã, kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật về hợp tác xã.

Tổ chức sâu rộng các đợt thi đua trong khu vực kinh tế tập thể; phổ biến, nhân rộng các mô hình hợp tác xã mạnh, kinh doanh có hiệu quả cao, mô hình hợp tác xã mới phù hợp định hướng của Thành phố.

Cung cấp thông tin tuyên truyền qua việc xuất bản ấn phẩm (báo, tờ tin), tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài...

Kết nối trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã, các sở, ngành với các liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã nhằm thông tin kịp thời, nâng cao hiệu quả tư vấn cho hợp tác xã.

### **8. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể**

Phối hợp với các Sở ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện định kỳ tổ chức giao ban, gặp gỡ, đối thoại với các hợp tác xã trên địa bàn nhằm đánh giá thực trạng hoạt động của các hợp tác xã, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp cụ thể hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Vận động tăng vốn góp của xã viên, thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm tăng quy mô, ngành nghề hoạt động của HTX. Vận động, hướng dẫn hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã cùng ngành nghề hình thành hợp tác xã có quy mô lớn, hoặc liên hiệp hợp tác xã đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường.

Tăng cường hoạt động giám sát hợp tác xã trong việc thực hiện: Luật Hợp tác xã năm 2012, điều lệ hợp tác xã, tổ chức đại hội thường niên, đại hội nhiệm kỳ. Hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 theo đúng kế hoạch (hòa thành 100% trong năm 2016).

### **9. Nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Thành phố trong năm 2016**

Tập trung nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ viên chức Liên minh Hợp tác xã Thành phố, nhất là cán bộ làm công tác tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã. Phát huy tối

đa hiệu quả sử dụng mạng nội bộ nhằm tiết kiệm chi phí giấy tờ, thời gian. Nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã để cung cấp kịp thời thông tin cho các hợp tác xã. Hình thành hệ thống thông tin thông suốt giữa Liên minh Hợp tác xã với các hợp tác xã thông qua đường truyền Internet.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Liên minh Hợp tác xã xây dựng Dự thảo Kế hoạch hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 theo đúng kế hoạch (100% hợp tác xã chuyển đổi theo đúng Luật trong năm 2016), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong tháng 01 năm 2016.

- Phối hợp với Ban chỉ đạo 09 (Sở Tài chính) khảo sát tình hình sử dụng đất của các hợp tác xã, xem xét giải quyết cho các hợp tác xã có đủ khả năng tài chính mua làm tài sản, nếu không đủ khả năng thì tiếp tục thuê lâu dài, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trong tháng 01 năm 2015./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Biểu 1: Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2015 và kế hoạch năm 2016**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016
				Kế hoạch năm 2015	Ước TH cả năm	
<b>I</b>	<b>Hợp tác xã</b>					
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%	0,8	1,1	0,8	1,0
2	Tổng số hợp tác xã	HTX	543	485	485	445
	<i>Trong đó:</i>					
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	10	20	9	20
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	05	78	78	60
3	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	8	9	8 (04 đang hoạt động)	6
	<i>Trong đó:</i>					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	0	1	1	2
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX				5
4	Tổng số thành viên	Người	61.000	62.000	62.000	63.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	Người	1.000	1.000	1.000	1.000
5	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Người	59.000	60.000	60.000	61.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số lao động thường xuyên mới	Người	500	1.000	1.000	1.000
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	58.500	60.000	59.000	61.000

6	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	22.000	25.000	25.000	26.500
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu của HTX với thành viên	Triệu đồng/năm	14.000	15.000	15.000	16.500
7	Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	270	300	300	350
8	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Triệu đồng/năm	39	42	42	46
9	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	1.200	1.340	1.340	1.440
	<i>Trong đó:</i>					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	900	950	950	864
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	300	390	390	576
<b>II</b>	<b>Tổ hợp tác</b>					
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.828	3.028	3.028	3.328
	<i>Trong đó:</i>					
	Số tổ hợp tác thành lập mới	THT	300	200	200	300
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/ phường/thị trấn	THT	2.828	3.028	3.028	3.328
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	52.000	53.000	53.000	54.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	1.000	1.000	1.000	1.000
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Triệu đồng/năm	140	180	180	230

4	Lợi nhuận bình quân một tổ hợp tác	Triệu đồng/năm	16	20	20	25
---	------------------------------------	----------------	----	----	----	----

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**biểu 2: Số lượng hợp tác xã phân loại theo ngành nghề đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác năm 2015 và kế hoạch năm 2016**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016
				Kế hoạch năm 2015	Ước TH cả năm	
<b>I</b>	<b>HỢP TÁC XÃ</b>					
	Tổng số hợp tác xã	HTX	543	485	485	445 (dự kiến giải thể 60HTX)
	Chia ra:					
	Hợp tác xã nông- lâm- ngư nghiệp	HTX	61	49	49	51
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng	HTX	96	86	86	63
	Hợp tác xã nhà ở	HTX	8	07	07	7
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	19	19	19	19
	Hợp tác xã thương mại	HTX	132	115	115	103
	Hợp tác xã vận tải-bóc xếp	HTX	212	194	194	194
	Hợp tác xã khác	HTX	15	15	15	8
<b>2</b>	<b>LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>					
	Tổng số LH hợp tác xã	LH HTX	08	09	08	06
	Trong đó:					
	LH hợp tác xã nông-lâm-ngư nghiệp	LH HTX	01	02	01	2
	LH hợp tác xã công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	LH HTX				
	LH hợp tác xã nhà ở	LH HTX	01	01	01	1
	LH hợp tác xã tín dụng	LH HTX				
	LH hợp tác xã thương mại	LH HTX	04	04	04	2
	LH hợp tác xã vận tải	LH HTX	02	02	02	1
	LH hợp tác xã khác	LH HTX				
<b>3</b>	<b>TỔ HỢP TÁC</b>		2.828	3.028	3.028	3.328
	Tổng số tổ hợp tác	THT				
	Chia ra:	THT				

	Tổ hợp tác nông – lâm-ngư nghiệp	THT				
	Tổ hợp tác công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	THT				
	Tổ hợp tác xây dựng	THT				
	Tổ hợp tác tín dụng	THT				
	Tổ hợp tác thương mại	THT				
	Tổ hợp tác vận tải	THT				
	Tổ hợp tác khác	THT				

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



**Biểu 3: Kết quả hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể năm 2015  
và kế hoạch hỗ trợ năm 2016**

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016
<b>I</b>	<b>HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ</b>				
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực</b>				
	- Số người được cử đi đào tạo	Người	60	42	47
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	200	378	423
	- Số lượt được tham gia bồi dưỡng	Lượt	1884	932	1032
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	1500	890	985
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	20	25	30
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	200	250	300
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới</b>				
	-Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	20	25	30
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	200	250	300
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ về tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã</b>				
	- Số lượt được hỗ trợ vốn vay	Lượt	62.000	67.043	68.043
	Tổng số vốn được vay	Tỷ đồng	950	1.138	1.200

<b>5</b>	<b>Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế-xã hội</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX			
<b>6</b>	<b>Hỗ trợ thành lập mới HTX (HTX nông nghiệp theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND TP.HCM)</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	12	12	6
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	360	360	600
<b>II</b>	<b>HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG, LÂM, NGƯ, DIÊM NGHIỆP</b>				
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX			2
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng			200
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ giao đất	HTX			
	Tổng diện tích đất được giao	m <sup>2</sup>			
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ cho thuê đất	HTX	260	270	290
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m <sup>2</sup>	338.780	351.810	377.870
<b>3</b>	<b>Ưu đãi về tín dụng</b>				
	- Số lượt xã viên được hỗ trợ	Lượt			
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Triệu đồng			
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX			
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Triệu đồng			

<b>5</b>	<b>Hỗ trợ về chế biến sản phẩm</b>				
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng			

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng